

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG THỊ THANH HUYỀN

DỰ ĐOÁN KHẢ NĂNG SAI PHẠM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY
NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Đà Nẵng - Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Công Phương

Phản biện 1: TS. Đoàn Ngọc Phi Anh

Phản biện 2: TS. Trần Thượng Bích La

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kế toán học tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 10 năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thời gian qua, nền kinh tế thế giới không chỉ chao đảo bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, mà còn bị chấn động bởi hàng loạt các vụ kinh tế lừa đảo tài chính với mức độ nghiêm trọng. Tại Việt Nam, trong những năm gần đây cũng xảy ra rất nhiều những vụ gian lận thông tin trên BCTC. Do đó, vấn đề gian lận BCTC luôn là một đề tài thu hút rất nhiều những nghiên cứu liên quan.

Tồn tại một số đề tài/nghiên cứu dự đoán sai phạm BCTC của các công ty niêm yết trong thời gian qua như mô hình Beneish của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014), nghiên cứu đánh giá sự hữu hiệu của tam giác gian lận của Trần Thị Giang Tân (2014)..... Tuy nhiên chưa có nghiên cứu kiểm chứng mô hình F-score để dự đoán khả năng sai phạm BCTC của các công ty niêm yết với mục đích tìm kiếm công cụ dự đoán sai phạm BCTC. Từ đó đề tài “Dự đoán sai phạm BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh” thông qua vận dụng mô hình F-score được thực hiện. Hi vọng rằng kết quả của nghiên cứu này sẽ góp phần không chỉ giúp cho những người trong nghề kiểm toán mang đến một BCTC thật sự trung thực, hợp lý mà còn góp phần giúp cho những cá nhân có mối quan tâm đến doanh nghiệp có thể bước đầu tự đánh giá mức độ sai sót của BCTC dựa trên những thông tin tài chính đơn thuần.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là dự đoán sai phạm BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua vận dụng mô hình F-score. Bên

cạnh đó, để đạt được mục tiêu này, luận văn cũng đánh giá thực trạng sai sót BCTC của các công ty niêm yết từ năm 2012 đến năm 2014.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng sai phạm BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh như thế nào?

- Có thể sử dụng mô hình F-score để dự đoán sai phạm BCTC của các công ty niêm yết?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là sai phạm và dự đoán sai phạm BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: sai phạm được hiểu trong nghiên cứu này là sai sót do nhầm lẫn và gian lận BCTC.

- Về mặt không gian: Phạm vi nghiên cứu là các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về mặt thời gian: Nghiên cứu sai sót trong BCTC của các công ty niêm yết cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2014.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập từ nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014), thông kê của Công ty Cổ phần StoxPlus và những website chuyên về đầu tư chứng khoán như vietstock.vn, cafef.vn....

- Mô hình nghiên cứu: Luận văn dựa vào mô hình tính toán chỉ số F-score của Patricia M.Dechow và cộng sự (2011) để dự đoán

khả năng sai sót trọng yếu do gian lận BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn đã đúc kết những kiến thức cơ bản về gian lận BCTC nói chung và dự đoán sai phạm BCTC nói riêng. Luận văn đưa ra một mô hình giúp kiểm toán viên, nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước dự đoán khả năng sai sót trọng yếu trong BCTC của các công ty niêm yết, từ đó giúp giảm thiểu tình trạng thao túng BCTC của các công ty niêm yết như hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Nội dung chính luận văn được chia làm 4 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về đánh giá sai phạm BCTC của doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng sai sót trong BCTC của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Nhận diện khả năng sai phạm BCTC bằng chỉ số F-score

Chương 4: Kết luận và gợi ý

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ ĐÁNH GIÁ SAI PHẠM BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. ĐỊNH NGHĨA VỀ SAI SÓT VÀ GIAN LẬN

Nghiên cứu này dùng cụm từ sai phạm BCTC theo nghĩa “sai sót” theo định nghĩa của Chuẩn mực kiểm toán số 240, theo đó sai sót có thể do gian lận hoặc nhầm lẫn.

1.2. NHỮNG THỦ THUẬT GIAN LẬN BCTC

Bảng 1.1. Các loại gian lận phổ biến trên BCTC theo ACFE

Loại gian lận	Trường hợp báo cáo	% (trường hợp)
Che dấu công nợ và chi phí	54	45%
Ghi nhận doanh thu không có thật	52	43,3%
Định giá sai tài sản	45	37,5%
Ghi nhận sai niên độ	34	28,3%
Công bố thông tin quan trọng	56	48%

Nguồn: Trần Thị Giang Tân (2009)

1.2.1. Che dấu công nợ và chi phí

Che dấu công nợ đưa đến giảm chi phí là một trong những kỹ thuật gian lận phổ biến trên BCTC nhằm mục đích khai khống lợi nhuận. Khi đó, lợi nhuận trước thuế sẽ tăng tương ứng với số chi phí hay công nợ bị che dấu. Đây là phương pháp dễ thực hiện và khó bị phát hiện vì thường không để lại dấu vết. Có ba phương pháp chính thực hiện gian lận về chi phí:

- Không ghi nhận công nợ và chi phí, đặc biệt không lập đầy đủ các khoản dự phòng;
- Vốn hoá chi phí;

- Không ghi nhận hàng bán trả lại, các khoản giảm trừ và không trích trước chi phí bảo hành;

1.2.2. Ghi nhận doanh thu không có thật hay khai cao doanh thu

Là việc ghi nhận vào sổ sách một nghiệp vụ bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ không có thực. Kỹ thuật thường sử dụng là tạo ra các khách hàng giả mạo thông qua lập chứng từ giả mạo nhưng hàng hóa không được giao và đầu niên độ sau sẽ lập bút toán hàng bán bị trả lại.

1.2.3. Định giá sai tài sản

Vì những mục đích nào đó như liên quan đến nhu cầu vay vốn ở ngân hàng, đặc biệt là yêu cầu cho vay dựa trên cơ sở tài sản. Sự gian lận này thường tập trung vào khoản mục công nợ (các khoản phải thu) và hàng tồn kho. Gian lận công nợ thường được thực hiện qua hành vi tạo khống các khoản công nợ, đó có thể là những hóa đơn chưa bao giờ tồn tại, hoặc những hóa đơn phát sinh từ giao dịch với các bên có liên quan, không trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi. Cũng giống như gian lận công nợ, gian lận trong hàng tồn kho chủ yếu là hành vi khai khống hàng tồn kho hoặc giả mạo hàng tồn kho trên sổ sách kế toán hoặc hạch toán tăng giá trị hàng tồn kho so với thực tế, không ghi giảm giá trị hàng tồn kho khi hàng đã hư hỏng, không còn sử dụng được hay không lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Ngoài ra việc định giá sai tài sản còn được thực hiện thông qua việc định giá sai các tài sản như là: các tài sản mua qua hợp nhất kinh doanh, TSCĐ, không vốn hoá đầy đủ các chi phí vô hình, phân loại không đúng tài sản.

1.2.4. Ghi nhận sai niên độ

Doanh thu hay chi phí được ghi nhận không đúng với thời kỳ mà nó phát sinh. Doanh thu hoặc chi phí của kỳ này có thể chuyển sang kỳ kế tiếp hay ngược lại để làm tăng hoặc giảm thu nhập theo mong muốn.

1.2.5. Không khai báo đầy đủ thông tin

Việc không khai báo đầy đủ các thông tin nhằm hạn chế khả năng phân tích của người sử dụng BCTC. Hình thức gian lận này cũng rất thường gặp và khó phát hiện. Các thông tin thường không được khai báo đầy đủ trong thuyết minh như nợ tiềm tàng, các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán, thông tin về bên có liên quan, những thay đổi về chính sách kế toán, các giao dịch nội bộ, ... Việc công bố thông tin không thích hợp hay không đầy đủ chính là cách để che dấu hành vi gian lận nhằm hạn chế khả năng tiếp cận thông tin của các nhà đầu tư hay người sử dụng BCTC.

1.3. CÁC CHỈ BÁO (DẤU HIỆU) GIAN LẬN BCTC

Chuẩn mực kiểm toán số 240 chỉ ra các dấu hiệu dẫn đến rủi ro có gian lận mà kiểm toán viên thường gặp trong thực tế như môi trường kinh doanh, các chính sách kế toán được vận dụng, tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, ...

Do những điều kiện tại Việt Nam còn hạn chế trong việc thu thập dữ liệu thông tin phi tài chính nên cần thiết xây dựng những phương pháp dự báo rủi ro gian lận thông qua chuyển số liệu BCTC thành các chỉ số tài chính.

1.4. HẬU QUẢ CỦA SAI PHẠM BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Rezaee (2002), những hậu quả tiềm ẩn của gian lận trên BCTC như sau:

- (1) Làm suy yếu chất lượng BCTC.

- (2) Làm xói mòn tính toàn vẹn và khách quan của nghề kế toán.
- (3) Làm giảm niềm tin vào thị trường vốn và niềm tin vào độ tin cậy của các thông tin tài chính.
- (4) Làm cho thị trường vốn kém hiệu quả.
- (5) Ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng và thịnh vượng của 1 quốc gia.
- (6) Có thể dẫn đến thiệt hại do kiện tụng.
- (7) Phá hủy sự nghiệp của các cá nhân liên quan đến hành vi gian lận.
- (8) Gây ra phá sản hoặc thiệt hại kinh tế cho công ty tham gia vào việc gian lận.
- (9) Đòi hỏi mức độ can thiệp cao hơn của những quy định của nhà nước và pháp luật.
- (10) Phá vỡ hoạt động bình thường của thị trường và hoạt động của các công ty bị cáo buộc gian lận.

1.5. TRÁCH NHIỆM NGĂN NGỪA VÀ PHÁT HIỆN GIAN LẬN

Chuẩn mực kiểm toán số 240 quy định và hướng dẫn trách nhiệm của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán đối với gian lận trong quá trình kiểm toán BCTC đã quy định trách nhiệm ngăn ngừa và phát hiện gian lận BCTC trước hết thuộc về Ban quản trị và Ban giám đốc, sau đó là của kiểm toán viên.

1.5.1. Trách nhiệm của Ban giám đốc

1.5.2. Trách nhiệm của kiểm toán viên

1.6. NGHIÊN CỨU VỀ GIAN LẬN VÀ ĐÁNH GIÁ/DỰ ĐOÁN SAI PHẠM BCTC

1.6.1. Các công trình nghiên cứu trước đây về gian lận

a. Tam giác gian lận

Tam giác gian lận của Donald R.Cressey (1919-1987) cho

rằng gian lận chỉ phát sinh khi hội đủ 3 nhân tố là áp lực, cơ hội và thái độ, cá tính.

b. Nghiên cứu của D.W. Steve Albrecht

Theo Albrecht mô hình về bản cân gian lận gồm có ba nhân tố: Hoàn cảnh tạo ra áp lực, nắm bắt cơ hội và tính trung thực của cá nhân.

c. Công trình nghiên cứu gian lận của Hiệp hội các nhà điều tra gian lận Mỹ (The Association of Certified Fraud Examiners - ACFE)

Kết quả của công trình nghiên cứu của ACFE vào các năm 2002, 2004, 2006:

Về các loại gian lận: Có ba loại gian lận là biển thủ tài sản, tham ô và gian lận trên BCTC.

Về người thực hiện gian lận: người thực hiện gian lận nhiều nhất là nhân viên, kế đến là người quản lý và cuối cùng là người chủ sở hữu và ban lãnh đạo.

Về tổn thất tính trên số nhân viên, quy mô của công ty: gian lận ở các doanh nghiệp có quy mô nhỏ là cao nhất.

Về các biện pháp phòng ngừa gian lận: kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, biện pháp giáo dục, đường dây nóng, kiểm tra đột xuất.

1.6.2. Các nghiên cứu về đánh giá/dự đoán sai phạm BCTC

Nghiên cứu của Beneish (1999)

Các chỉ số được chọn vào mô hình tập trung vào hai nhóm là nhóm các biến nhận diện khả năng gian lận và các biến nhận diện động cơ gian lận. Các biến cụ thể gồm chỉ số đòn bẩy, chỉ số hàng tồn kho, chỉ số kỳ thu tiền, chỉ số lợi nhuận gộp, chỉ số chất lượng tài

sản, chỉ số tăng trưởng doanh thu, chỉ số khấu hao, chi phí quản lý và bán hàng. Kết quả cho thấy có mối quan hệ thống kê giữa khả năng xảy ra gian lận với các biến trên BCTC. Nếu $M\text{-score} > -2,22$ thì khả năng BCTC có sai sót trọng yếu.

Mô hình Alman Z-score

Mô hình Z-score được xây dựng bởi Alman (1968) sử dụng để dự báo khả năng một doanh nghiệp sẽ bị phá sản trong hai năm sắp tới, đồng thời cũng là một công cụ để kiểm tra sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Từ chỉ số Z-score ban đầu, Alman đã xây dựng thêm những chỉ số Z'-score, Z''-score phù hợp cho từng loại hình doanh nghiệp khác nhau. Chỉ số này càng thấp thì nguy cơ xảy ra gian lận càng cao nhằm mục đích che đậy sự yếu kém trong tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Nghiên cứu của Charalambos T.Spathis (2002)

Mười chỉ số tài chính tương ứng với 10 biến được lựa chọn để thiết lập mô hình dự đoán khả năng gian lận BCTC. Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật hồi quy logistic để nhận diện các biến có ảnh hưởng đến gian lận BCTC. Từ đó phát triển hai mô hình để nhận diện gian lận BCTC.

Nghiên cứu của Kirkos (2007)

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật khai thác dữ liệu (data mining), phần mềm thống kê phân tích dữ liệu, 27 tỷ số tài chính được thu thập từ BCTC của các công ty được lựa chọn để dự đoán khả năng xảy ra gian lận BCTC.

Nghiên cứu của Dechow (2011)

Nghiên cứu này xây dựng một mô hình nhận dạng khả năng gian lận trên BCTC dựa trên một hệ số tổng hợp (F-score) được xác định trên rất nhiều tỷ số và chỉ tiêu phi tài chính. F-score lớn hơn 1

cho thấy có rủi ro gian lận cao, áp dụng cho trường hợp Enron hệ số này là 1,85.

Nghiên cứu của Trần Thị Giang Tân (2014)

Nghiên cứu của tác giả Giang Tân đã đánh giá sự hữu hiệu của tam giác gian lận theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 240 trong việc phát hiện và dự báo gian lận của các công ty niêm yết tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng gian lận có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với 3 yếu tố về động cơ/áp lực, với 1 yếu tố về cơ hội và với 2 yếu tố về thái độ. Mô hình sử dụng các biến trên có khả năng dự báo đúng 83,33% các công ty thuộc mẫu nghiên cứu và dự báo đúng 80% các công ty ngoài mẫu nghiên cứu.

Nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014)

Nghiên cứu này đã vận dụng mô hình Beneish nhằm dự đoán khả năng phát hiện sai sót trọng yếu trong BCTC ở Việt Nam. Để phù hợp với ngữ cảnh của Việt Nam, một số lưu ý được đưa ra nhằm tính toán một số biến của mô hình. Kết quả kiểm chứng cho thấy mô hình dự đoán đúng với xác suất 53,33%.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG SAI SÓT TRONG BCTC CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SAI SÓT BCTC CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thực tế những năm qua trên thị trường chứng khoán tỷ lệ sai lệch sau kiểm toán có xu hướng giảm dần nhưng vẫn còn ở mức rất cao. Xét riêng cho chỉ tiêu lợi nhuận, số liệu thống kê của Vietstock từ năm 2012 đến 6 tháng đầu năm 2015 cho thấy mỗi năm tỷ lệ doanh nghiệp niêm yết có điều chỉnh sau kiểm toán đều trên mức 70%, còn 6 tháng đầu năm 2015 cũng chiếm quá bán 52%. Điều này là một cảnh báo rất lớn về chất lượng BCTC và độ minh bạch về số liệu kế toán do doanh nghiệp tự lập.

Trong đó, số lượng doanh nghiệp phải điều chỉnh giảm lợi nhuận sau kiểm toán luôn cao hơn điều chỉnh tăng. Đặc biệt, các ngành như xây dựng, bất động sản, thực phẩm và kim loại luôn có tỷ lệ phải điều chỉnh số liệu sau kiểm toán cao nhất.

Một số doanh nghiệp không chỉ biến động lợi nhuận sau kiểm toán trong một năm tài chính mà thường xuyên có sự chênh lệch số liệu sau kiểm toán qua nhiều năm liên tục. Điều này cho thấy chế tài xử phạt của pháp luật còn quá lỏng lẻo để doanh nghiệp “lòn” quy định, sai phạm xảy ra liên tục mà cơ quan Nhà nước vẫn chưa có biện pháp khắc phục.

2.1.1. Thực trạng sai phạm BCTC sau kiểm toán năm 2012

Bảng 2.2 cho thấy số lượng và tỷ lệ các công ty niêm yết có điều chỉnh tăng, điều chỉnh giảm và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2012.

Bảng 2.2. Số lượng công ty điều chỉnh và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2012

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Số công ty điều chỉnh tăng	219	36,0%
Số công ty điều chỉnh giảm	280	46,0%
Số công ty không điều chỉnh	110	18,0%
Tổng cộng	609	100%

Nguồn: vietstock.vn

Theo thống kê của Vietstock thì năm 2012 có tới 280 doanh nghiệp báo chênh lệch giảm, từ lãi sang lỗ hay tăng lỗ sau kiểm toán và cũng có 219 doanh nghiệp chênh lệch tăng hay giảm lỗ. Như vậy, con số khớp nhau sau kiểm toán thì chỉ có 110 doanh nghiệp.

2.1.2. Thực trạng sai phạm BCTC sau kiểm toán năm 2013

Bảng 2.4 cho thấy số lượng và tỷ lệ các công ty niêm yết có điều chỉnh tăng, điều chỉnh giảm và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2013.

Bảng 2.4. Số lượng công ty điều chỉnh và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2013

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Số công ty điều chỉnh tăng	179	28,6%
Số công ty điều chỉnh giảm	300	48,0%
Số công ty không điều chỉnh	146	23,4%
Tổng cộng	625	100%

2.1.3. Thực trạng sai phạm BCTC sau kiểm toán năm 2014

Bảng 2.5 cho thấy số lượng và tỷ lệ các công ty niêm yết có điều chỉnh tăng, điều chỉnh giảm và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2014.

Bảng 2.5. Số lượng công ty điều chỉnh và không điều chỉnh lợi nhuận trong năm 2014

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Số công ty điều chỉnh tăng	198	30,8%
Số công ty điều chỉnh giảm	263	40,9%
Số công ty không điều chỉnh	182	28,3%
Tổng cộng	643	100%

2.2. NHỮNG THỦ THUẬT ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM SAI LỆCH BCTC CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Che dấu công nợ và chi phí

Che dấu công nợ đưa đến giảm chi phí là một trong những kỹ thuật gian lận phổ biến trên BCTC nhằm mục đích khai khống lợi nhuận. Khi đó, lợi nhuận trước thuế sẽ tăng tương ứng với số chi phí hay công nợ bị che dấu. Đây là phương pháp dễ thực hiện và khó bị phát hiện vì thường không để lại dấu vết.

2.2.2. Ghi nhận doanh thu không có thật hay khai cao doanh thu

Là việc ghi nhận vào sổ sách một nghiệp vụ bán hàng hóa hay cung cấp dịch vụ không có thực. Kỹ thuật thường sử dụng là tạo ra các khách hàng giả mạo thông qua lập chứng từ giả mạo nhưng hàng hóa không được giao và đầu niên độ sau sẽ lập bút toán hàng bán bị trả lại. Khai cao doanh thu còn được thực hiện thông qua việc

cổ ý ghi tăng các nhân tố trên hóa đơn như số lượng, giá bán, ... hoặc ghi nhận doanh thu khi các điều kiện giao hàng chưa hoàn tất, chưa chuyển quyền sở hữu và chuyển rủi ro đối với hàng hoá, dịch vụ được bán.

2.2.3. Định giá sai tài sản

Việc định giá sai tài sản được thực hiện thông qua việc không ghi giảm giá trị hàng tồn kho khi hàng đã hư hỏng, không còn sử dụng được hay không lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Các tài sản thường bị định giá sai như là: các tài sản mua qua hợp nhất kinh doanh, tài sản cố định, không vốn hoá đầy đủ các chi phí vô hình, phân loại không đúng tài sản.

2.2.4. Ghi nhận sai niên độ

Doanh thu hay chi phí được ghi nhận không đúng với thời kỳ mà nó phát sinh. Doanh thu hoặc chi phí của kỳ này có thể chuyển sang kỳ kế tiếp hay ngược lại để làm tăng hoặc giảm thu nhập theo mong muốn.

2.2.5. Không khai báo đầy đủ thông tin

Việc không khai báo đầy đủ các thông tin nhằm hạn chế khả năng phân tích của người sử dụng BCTC. Các thông tin thường không được khai báo đầy đủ trong thuyết minh như nợ tiềm tàng, các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán, thông tin về bên có liên quan, các thay đổi về chính sách kế toán.

CHƯƠNG 3

NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG SAI PHẠM BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẰNG CHỈ SỐ F-SCORE

3.1. MÔ HÌNH F-SCORE ĐỂ NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG SAI PHẠM GIAN LẬN BCTC

Dechow và cộng sự (2011) đã xây dựng mô hình dự đoán sai phạm BCTC, được gọi là chỉ số F-score như sau:

$$\text{VALUE} = -7,893 + 0,790 \times \text{RSST} + 2,518 \times \Delta \text{REC} + 1,191 \times \Delta \text{INV} + 1,979 \times \text{SOFTASSETS} + 0,171 \times \Delta \text{CASHSALES} - 0,932 \times \Delta \text{ROA} + 1,029 \times \text{ISSUE}$$

Trong đó:

$$\text{RSST} = (\Delta \text{WC} + \Delta \text{NCO} + \Delta \text{FIN}) / \text{Tổng tài sản bình quân}$$

- $\text{WC} = (\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Tiền} - \text{Đầu tư ngắn hạn}) - (\text{Nợ ngắn hạn} - \text{Vay ngắn hạn})$
- $\text{NCO} = (\text{Tổng tài sản} - \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết}) - (\text{Nợ phải trả} - \text{Nợ ngắn hạn} - \text{Vay dài hạn})$
- $\text{FIN} = (\text{Đầu tư ngắn hạn} + \text{Đầu tư dài hạn}) - (\text{Vay dài hạn} + \text{Vay ngắn hạn} + \text{Cổ phiếu ưu đãi})$

$$\Delta \text{REC} = \Delta \text{Nợ phải thu khách hàng} / \text{Tổng tài sản bình quân}$$

$$\Delta \text{INV} = \Delta \text{Hàng tồn kho} / \text{Tổng tài sản bình quân}$$

$$\text{SOFTASSETS} = (\text{Tổng tài sản} - \text{TSCĐ hữu hình} - \text{Tiền} \& \text{ các})$$

	khoản tương đương tiền) / Tổng tài sản
Δ CASHSALES	= (Doanh thu thuần _t – Nợ phải thu khách hàng _t) / Doanh thu thuần _t - (Doanh thu thuần _{t-1} – Nợ phải thu khách hàng _{t-1}) / Doanh thu thuần _{t-1}
Δ ROA	= (Lợi nhuận sau thuế _t / Tổng tài sản bình quân _t) - (Lợi nhuận sau thuế _{t-1} / Tổng tài sản bình quân _{t-1})
ISSUE	Có giá trị bằng 1 nếu trong năm có phát hành chứng khoán

Các giá trị tính toán được chuyển đổi sang một xác suất xảy ra sai sót như sau: $\text{Exp (VALUE)} / (1 + \text{Exp (VALUE)})$

Kết quả xác suất xảy ra sai sót sau đó được chia cho xác suất vô điều kiện của sai sót trọng yếu để có được những giá trị F-score.

Xác suất vô điều kiện của sai sót trọng yếu = Số mẫu nghiên cứu có sai sót / Tổng số mẫu nghiên cứu

F-score lớn hơn giá trị 1 thì rủi ro BCTC có sai sót cao. Ngược lại, nếu F-score bé hơn giá trị 1 thì rủi ro BCTC có sai sót là thấp. Áp dụng cho trường hợp Enron hệ số này là 1,85.

Sử dụng phần mềm excel để tính toán giá trị các biến và chỉ số F-score.

3.2. THU THẬP DỮ LIỆU

Để so sánh với khả năng dự đoán sai phạm BCTC với mô hình Beneish, luận văn chọn 30 công ty niêm yết bị kiểm toán phát hiện có sai sót trọng yếu lớn nhất trong BCTC năm 2012. Số liệu BCTC trước kiểm toán và sau kiểm toán được chia sẻ từ nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014) và được thu thập từ website <http://cafef.vn> để bổ sung một số dữ liệu không đầy đủ.

Ngoài ra luận văn còn thu thập số liệu 30 công ty niêm yết bị kiểm toán phát hiện điều chỉnh tăng lợi nhuận nhiều nhất và 30 công ty niêm yết không điều chỉnh lợi nhuận trong BCTC năm 2014. Số liệu BCTC trước và sau kiểm toán được thu thập từ thống kê của công ty chuyên cung cấp số liệu tài chính StoxPlus.

3.3. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

Bảng 3.1. Nguồn thu thập dữ liệu để tính toán các biến

Tên biến	Nguồn thu thập dữ liệu
RSST	Bảng cân đối kế toán
Δ REC	Bảng cân đối kế toán
Δ INV	Bảng cân đối kế toán
SOFTASSETS	Bảng cân đối kế toán
Δ CASHSALES	Bảng cân đối kế toán Báo cáo kết quả kinh doanh
Δ ROA	Bảng cân đối kế toán Báo cáo kết quả kinh doanh
ISSUE	Thuyết minh báo cáo tài chính Thông báo phát hành cổ phiếu, trái phiếu trong năm 2012, 2014 trên website http://cafef.vn

3.4. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

3.4.1. Trình bày kết quả

Kết quả phân tích số liệu năm 2012

Chỉ số F-score có thể phát hiện 50% các công ty bị phát hiện gian lận BCTC năm 2012 (15/30 công ty). Theo nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014) thì mô hình Beneish có thể phát hiện 53,33% (16/30 công ty) trong số các công ty bị phát hiện gian lận BCTC. Như vậy, khả năng dự đoán gian lận BCTC của 2 mô hình này gần như tương đương với nhau.

Kết quả phân tích số liệu năm 2014

Chỉ số F-score có thể phát hiện 43,33% các công ty có gian lận BCTC năm 2014 (13/30 công ty) và 53,33% các công ty không có gian lận BCTC năm 2014 (16/30 công ty).

So sánh với kết quả thực nghiệm của mô hình Beneish trong nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và Nguyễn Trần Nguyên Trân (2014) thì kết quả tính toán chỉ số F-score nêu trên đã đưa ra gợi ý rằng chỉ số F-score hoàn toàn có thể được sử dụng như một công cụ hỗ trợ cho các kiểm toán viên để đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong BCTC.

3.4.2. Phân tích một số trường hợp điển hình

Bảng 3.8a. Giá trị các thông số và chỉ số F-score của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF) năm 2014

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Nợ phải thu thuần	665.146
Hàng tồn kho ròng	2.400.668
Đầu tư ngắn hạn	28.720
Đầu tư dài hạn	167.203
Tài sản ngắn hạn	3.331.650
Nợ ngắn hạn	2.617.069
Nợ dài hạn	145.946
Vay ngắn hạn	1.808.790
Vay dài hạn	108.891
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	363.785
Tổng tài sản	4.065.691
Doanh thu thuần	1.486.652
Lợi nhuận sau thuế	114.261

Bảng 3.8. Giá trị các thông số và chỉ số F-score của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF) năm 2014 (tt)

Stt	Thông số	Giá trị
1	RSST	0,1158
2	Δ REC	0,0725
3	Δ INV	0,0410
4	SOFTASSETS	0,8676
5	Δ CASHSALE	(0,1950)
6	Δ ROA	0,0314
7	ISSUE	1

Chỉ số F-score = 3 cho thấy từ năm 2013 đến năm 2014 Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành có thể đã thực hiện hành vi thao túng trên BCTC. Softassets = 0,8676 cho thấy tài sản có tính thanh khoản trung bình của TTF chiếm tỷ lệ cao trong toàn bộ tổng tài sản, đồng nghĩa với việc khả năng xảy ra sai sót BCTC cũng cao. Thông số Issue = 1 do trong năm 2014 TTF có phát hành chứng khoán ra công chúng nên khả năng gian lận BCTC theo hướng thổi phồng lợi nhuận cũng tăng. Các thông số tính toán theo Dechow và cộng sự (2011) cho trường hợp của TTF đều thiên về hướng TTF đã thổi phồng lợi nhuận trong năm 2014. Nguyên nhân là do sai sót trong hạch toán nhiều khoản mục như doanh thu thuần, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý. Điển hình là trích lập thiếu dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chi phí lãi vay

CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý

4.1. KẾT LUẬN

Tình hình sai sót trọng yếu/gian lận trên BCTC qua ba năm từ năm 2012 đến năm 2014 vẫn đạt tỷ lệ cao trên 70% trong tổng số công ty trên thị trường chứng khoán. Do đó vấn đề sai sót trên BCTC vẫn luôn là một đề tài nóng hổi được dư luận quan tâm.

Áp dụng mô hình tính toán chỉ số F-score cho mẫu nghiên cứu được lựa chọn từ các công ty niêm yết cho thấy chỉ số F-score có thể phát hiện 50% các công ty có gian lận BCTC năm 2012 (15/30 công ty), 43,33% các công ty có gian lận BCTC năm 2014 (13/30 công ty) và 53,33% các công ty không có gian lận BCTC năm 2014 (16/30 công ty).

Kết quả này đã đưa ra gợi ý rằng chỉ số F-score hoàn toàn có thể được sử dụng như một công cụ hỗ trợ cho các kiểm toán viên để đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong BCTC

4.2. GỢI Ý VỀ NHẬN DIỆN SAI PHẠM BCTC

4.2.1. Khuyến nghị về vận dụng chỉ số F-score như một tham khảo để hỗ trợ cho việc dự đoán khả năng sai phạm BCTC

Để vận dụng chỉ số F-score, trước tiên cần thu thập số liệu BCTC trước kiểm toán của năm tài chính cần đánh giá gian lận và số liệu BCTC đã được kiểm toán của năm tài chính trước đó. Cần lưu ý là từ năm 2014 trở về trước, BCTC được lập và trình bày theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, còn từ năm 2015 BCTC được lập và trình bày theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Như vậy muốn dự đoán khả năng sai phạm BCTC cho năm tài chính 2015 thì cần chuyển đổi số liệu trên BCTC năm 2014 theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-

BTC để đảm bảo tính so sánh giữa chỉ tiêu tài chính đầu năm và cuối năm 2015.

Khi tính toán giá trị các biến RSST, Δ REC, Δ INV, Δ ROA cần lưu ý lấy số liệu tổng tài sản bình quân vì số liệu bình quân mới phản ánh đúng thực chất tình hình tài chính của doanh nghiệp trong cả một thời kỳ.

Biến Issue có giá trị bằng 1 nếu trong năm nghiên cứu có phát hành chứng khoán ra công chúng. Thực tế nhiều doanh nghiệp có hành vi điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm nghiên cứu để có được một BCTC đẹp, thu hút nhà đầu tư nhưng sang năm sau mới phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu. Vì vậy khi xem xét giá trị biến issue cần thu thập thông tin phát hành chứng khoán của cả năm nghiên cứu và năm tiếp sau đó.

4.2.2. Khuyến nghị về giải pháp quản trị công ty để hạn chế sai phạm BCTC

Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy gốc rễ của gian lận và sai sót trên BCTC phần lớn xuất phát từ quản trị công ty yếu kém. Như vậy, để hạn chế sai phạm BCTC thì tất yếu phải nâng cao chất lượng quản trị công ty mà cụ thể là nâng cao năng lực, trách nhiệm của từng đối tượng tác động đến chất lượng BCTC cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, cụ thể:

Các yếu tố bên trong doanh nghiệp

Đối với Hội đồng quản trị

Một là: Nâng cao nhận thức về vai trò và nguyên tắc quản trị.

Hai là: Áp dụng Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean để nâng cao chất lượng quản trị công ty.

Ba là: Tăng cường tính độc lập của HĐQT.

Bốn là: Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ.

Đối với Ban điều hành

Trong Quy chế quản trị công ty, Nhà nước cần yêu cầu bổ sung trách nhiệm của Ban điều hành. Cụ thể, cần có quy định: Tổng giám đốc phải là người chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và cải tiến thường xuyên hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm tránh việc gian lận từ các thành viên trong công ty; Xây dựng chính sách kế toán cho những công ty có những đơn vị kế toán hạch toán riêng biệt, đặc biệt những đơn vị lập BCTC hợp nhất.

Đối với Ban kiểm soát

Ban kiểm soát cần phải có những nhiệm vụ mở rộng hơn: Đánh giá tính hiệu quả, xem xét kế hoạch hoạt động hàng năm của chức năng kiểm toán nội bộ; Đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhất là quy trình lập BCTC và các chương trình cải tiến hệ thống này; Giám sát mối quan hệ giữa kiểm toán viên với công ty và Ban điều hành trong suốt quá trình kiểm toán nhằm đảm bảo tính độc lập của kiểm toán viên.

Đối với kiểm toán nội bộ

Bộ Tài chính cần yêu cầu các công ty niêm yết phải có chức năng kiểm toán nội bộ do ban kiểm soát đề cử và mọi báo cáo của kiểm toán nội bộ phải được báo cáo cho ban kiểm soát.

Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp

Đối với kiểm toán độc lập

Vấn đề kiểm toán độc lập trong quản trị công ty thể hiện ở chất lượng mà dịch vụ kiểm toán này mang lại. Để BCTC của công ty niêm yết có chất lượng, công ty niêm yết cần lựa chọn các công ty kiểm toán có uy tín. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi công ty phải bỏ ra chi phí lớn. Vì vậy, tùy theo hiệu quả mang lại mà công ty niêm yết

thuê công ty kiểm toán phù hợp, cân bằng giữa chi phí và lợi ích kiểm toán mang lại.

Công ty niêm yết phải có chương trình kiểm soát kế hoạch kiểm toán, các thủ tục đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty kiểm toán, qua đó, có thể đánh giá được chất lượng công ty kiểm toán mà công ty đang thuê.

Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước

Thứ nhất: Thành lập tổ chức quản lý cấp quốc gia về quản trị công ty.

Thứ 2: Nâng cao hiệu quả giám sát tuân thủ quản trị công ty của các doanh nghiệp niêm yết.

Thứ ba: Hoàn thiện chế tài xử phạt các doanh nghiệp có hành vi gian lận BCTC, các doanh nghiệp chưa thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty.

Thứ tư: Nâng cao năng lực quản lý, giám sát thị trường, cũng như hoạt động thanh, kiểm tra cho đội ngũ quản lý Nhà nước.

KẾT LUẬN

Cuộc khủng hoảng kinh tế mang đến nhiều khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết. Nhằm làm đẹp BCTC để giữ giá cổ phiếu và thu hút đầu tư, các công ty niêm yết đã không bỏ qua bất cứ thủ thuật gian lận nào. Trong tình hình nền kiểm toán nước nhà còn non trẻ, chưa theo kịp sự phát triển của thế giới và gian lận trên BCTC của công ty niêm yết lại đang là một vấn đề thời sự nóng bỏng, công tác kiểm toán của các kiểm toán viên độc lập gặp không ít khó khăn. Thông qua khảo sát, thống kê kết hợp nghiên cứu tài liệu, luận văn tổng hợp các thủ thuật gian lận được sử dụng để làm đẹp BCTC của công ty niêm yết và những kỹ thuật kiểm toán nhằm phát hiện gian lận của kiểm toán viên hiện nay. Từ đó luận văn đưa ra chỉ số F-score giúp nhận diện và phát hiện gian lận.

Chỉ số F-score được xem là mô hình có nhiều ưu việt về năng lực dự đoán khả năng BCTC có gian lận/sai sót trọng yếu. Khả năng dự đoán đúng công ty gian lận trong BCTC khá cao nên mô hình này là công cụ hỗ trợ tích cực cho các công ty kiểm toán để đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu BCTC của các công ty niêm yết.